

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 01-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Đoàn Hoài Trí;

*Các Thẩm phán:*

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Ông Trần Văn Luông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 74/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Hải Ân, sinh năm 1977; địa chỉ: Số K86/36, đường Nguyễn Huy Tưởng, Tổ 114, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Phương D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 27A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hồ Thị Phương D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Nguyên đơn ông Trương Hải Ân trình bày:*

Ông Trương Hải Ân và bà Hồ Thị Phương D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 02/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại địa chỉ số 02, đường H, phường P và số 27A, đường Nguyễn Văn C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, bị đơn còn có những hành động đe dọa thách thức và làm tổn thương nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của nguyên đơn. Vợ chồng nhiều lần làm đơn ly hôn và thuận tình ly hôn nhưng không nộp cho Tòa án. Mặc dù đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng thay đổi và hòa hợp nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài. Khi mâu thuẫn trầm trọng thì nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ tháng 6 năm 2019.

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Hồ Thị Phương D trình bày:*

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm từ khi nguyên đơn chuyển công tác về quê tại Thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống, từ năm 2012 nguyên đơn đã có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ. Hiện nay nguyên đơn cũng có quan hệ tình cảm nam nữ với một người khác tại thành phố Huế. Tuy nhiên, bị đơn vẫn tha thứ, bỏ qua vì còn thương chồng. Quá trình giải quyết vụ án vì không muốn ảnh hưởng đến danh dự và công việc của nguyên đơn nên bị đơn không nộp các chứng cứ này.

Bị đơn thừa nhận trong quá trình chung sống cả hai có nhiều lần làm đơn ly hôn và đơn yêu cầu thuận tình ly hôn. Nhưng bị đơn chỉ làm đơn một lần còn lại là do nguyên đơn làm. Do nóng giận nhất thời nên bị đơn ký đơn. Sau đó các bên lại hoà giải nên không nộp đơn đến Tòa án. Từ tháng 6/2019, khi nguyên đơn chuyển công tác đến tháng 3/2020 thì nguyên đơn về thăm nhà được 02 lần. Từ tháng 3/2020, vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng hiện không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên bản thân bị đơn vẫn còn tình cảm vợ chồng. Bị đơn muốn có thời gian để vợ chồng hàn gắn, hoà giải để nguyên đơn suy nghĩ lại mà quay về chung sống. Mặt khác vợ chồng cũng chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung. Vì vậy bị đơn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 74/2020/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hải Á đối với bị đơn bà Hồ Thị Phương D về việc “ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hải Á được ly hôn với bà Hồ Thị Phương D.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2020 bị đơn bà Hồ Thị Phương D nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn với ông Trương Hải A.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 17/9/2020, bị đơn bà Hồ Thị Phương D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Trương Hải A và bị đơn bà Hồ Thị Phương D cùng thông nhất: Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 02/5/2012; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Cả hai chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông A là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã nhau. Cả hai đã từng làm và ký đơn thuận tình ly hôn nhiều lần nhưng không nộp cho Tòa án. Từ tháng 6 năm 2019 vợ chồng không còn sống chung với nhau, ông A chuyển về thành phố Đà Nẵng công tác và sinh sống; vì không còn tình cảm với bà D nên ông A yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Về phía bị đơn thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn nhiều lần, từng ký đơn ly hôn nhưng từ tháng 3/2020 thì cả hai mới không chung sống với nhau; tuy nhiên bị đơn vẫn còn yêu thương nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý ly hôn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn: Bị đơn cho rằng còn thương chồng, muốn hàn gắn và mong muốn nguyên đơn quay lại sống chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Từ tháng 6 năm 2019, nguyên đơn đến công tác tại thành phố Đà Nẵng thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nguyên đơn cho rằng bị đơn có nhiều lời lẽ, hành động gây tổn hại đến danh dự nhân phẩm của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Phương D là không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Phương D.
2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 74/2020/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Hồ Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0050678 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (01/3/2021)/.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đoàn Hoài Trí**